

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-PT

Ngày: 23 - 02 - 2023

V/v: “Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc;
Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2022/DSST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2022/QĐPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Th, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn C, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: 1 E, đường F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979;

3.2 Bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1984;

3.3 Bà Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1986;

3.4 Bà Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của Ông H1, ông H5, Bà H3, Bà H4 là Ông Nguyễn Thanh Nh. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh trình bày: Ông là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 350, diện tích 1.840m² (T:300m²; CLN: 1540m²), tờ bản đồ số 12 được Ủy ban nhân dân huyện I cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 000501 ngày 25/8/1997, tại Ấp D, xã T, huyện K, tỉnh Cần Thơ nay là Ấp D, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ do ông đại diện hộ đứng tên trên giấy đất.

Quá trình sử dụng đất thì bị đơn Ông Lê Văn Th cho rằng đất này là của gia đình ông nên Ông Th đã khởi kiện đòi lại thửa 350 nhưng đều bị bác yêu cầu khởi kiện. Do không chấp nhận với bản án nên Ông Th liên tục tìm đủ mọi cách cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông và gần đây nhất là năm 2020 Ông Th đã tự ý kéo hàng rào chèn gai ngang mặt trước của thửa đất số 350 giáp với phần đất hành lang lộ giới Quốc lộ 80 thuộc quản lý của nhà nước nên ông đã báo chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Qua đo đạc thực tế hàng rào chèn gai có chiều ngang là 33,50m. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Ông Th phải chấm dứt hành vi cản trở, tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào chèn gai dài 33,50m trả lại lối đi cho thửa đất số 350 để đi ra Quốc lộ 80.

Bị đơn Ông Lê Văn Th trình bày: Ông Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì ông không cản trở quyền sử dụng đất tại thửa đất số 350 của hộ Ông Nguyễn Thanh Nh. Việc Ông Nh đứng tên GCNQSDĐ tại thửa đất số 350 là trước đây nằm trong thửa đất số 351 của bà Nguyễn Thị M được Nhà nước cấp giấy trắng số 5614 TĐ/GCN/RĐ, ngày 29/10/1990 theo quy định tại Điều 99, 100 của Luật đất đai năm 2013 thì Ông Nh không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất tại phần đất tranh chấp này. Tại Bản án số 63/DSST, ngày 15/08/2002 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Cần Thơ cũng khẳng định phần đất tại thửa số 350 không thay đổi từ năm 1989 đến nay, khẳng định phần đất Ông Th đang quản lý và tranh chấp theo hiện tại là hành lang lộ giới quốc lộ 80 có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị M, không nằm trong thửa 350 của Ông

Nh. Bản án này đã được Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm lại theo bản án số: 300/DSPT ngày 12/11/2002 tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, về mặt pháp lý thì bản án đã có hiệu lực pháp luật thì các đương sự không có quyền khởi kiện lại và phần đất tranh chấp thuộc phạm vi hành lang lộ giới quốc lộ 80, thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thanh H1, Bà Nguyễn Thanh H2, Bà Nguyễn Thanh H3, Bà Nguyễn Thanh H4 cùng ủy quyền cho Ông Nguyễn Thanh Nh trình bày: Các ông bà là con của Ông Nh, thửa đất 350 là đất cấp cho hộ Ông Nh nên qua yêu cầu khởi kiện của Ông Nh thì các ông bà thống nhất với lời trình bày của Ông Nh và không ý kiến gì thêm.

Đại diện UBND huyện C, thành phố Cần Thơ ông Lê Minh Khoa trình bày: Thửa đất số 350, diện tích 1.840m² (T:300m² + LNK:1.540m²), tờ bản đồ số 12, tại Ấp D, xã Thanh An huyện K (nay là xã B, huyện C) do Ông Nguyễn Thanh Nh đứng tên trên sổ địa chính. Đất đã được UBND huyện K (cũ) cấp GCNQSDĐ số 000501, ngày 25 tháng 08 năm 1997 do hộ Ông Nguyễn Thanh Nh đứng tên thì căn cứ hồ sơ việc cấp GCNQSDĐ là đúng đối tượng, trình tự, thủ tục và theo quy định. Phần đất tranh chấp có hàng rào chì gai 33.50m thuộc hành lang lộ giới theo bản trích đo địa chính số 54 ngày 30/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thể hiện thì diện tích tranh chấp nằm trong một phần đất Thửa đất số 350 (thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80), tờ bản đồ số 12, tại Ấp D, xã T huyện K (nay là xã B, huyện C) do hộ Ông Nguyễn Thanh Nh đứng tên sử dụng.

Ngày 09/7/2021 Tòa án tiến hành xem xét đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định vị trí tranh chấp có hàng rào chì gai diện tích 33.50m² thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 54/TTKTTNMT ngày 30/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và trên vị trí tranh chấp có các tài sản gồm: Hàng rào dây thép gai có chiều dài 30,78m và chiều ngang hai đầu là 3,74m và 4,30m tổng 33.50m. Trụ đá 06 cây chiều cao 1,5m và 01 dây kẽm gai chạy dọc theo hàng rào.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 38/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh.

Buộc bị đơn Ông Lê Văn Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và phải tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào chì gai diện tích 33.50m

thuộc thửa đất số 350, diện tích 1.840m² (T: 300m²; CLN: 1.540m²), tờ bản đồ số 12 được Ủy ban nhân dân huyện I cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000501 ngày 25/8/1997, đất tọa lạc tại Ấp D, xã T, huyện K, tỉnh Cần Thơ do Ông Nguyễn Thanh Nh đại diện hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để trả lại toàn bộ lối đi chiều ngang mặt trước cho thửa đất số 350, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Ấp D, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ ra phần đất hành lang lộ giới do nhà nước quản lý có vị trí tiếp giáp với Quốc lộ 80 để đảm bảo các quyền lợi của chủ sử dụng đất hợp pháp cho nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thanh H1, Bà Nguyễn Thanh H2, Bà Nguyễn Thanh H3, Bà Nguyễn Thanh H4.

Vị trí, kích thước, diện tích của hàng rào chì gai nêu trên phải tháo dỡ di dời và thi hành được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tài sản. Biên bản định giá tài sản ngày 09/7/2021 và Bản trích đo địa chính số 54/TTKTTNMT ngày 30/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử, ngày 18/7/2022 Ông Lê Văn Th kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn C đại diện ủy quyền của bị đơn phát biểu: Nguồn gốc đất là của ông bà nội của Ông Th. Bà M là chị dâu đứng ra kê khai và đăng ký. Anh, chị em của Ông Th không có giấy tờ gì tặng cho Ông Nh. Ông Th khởi kiện trước đây bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã bác đơn. Lộ giới từ năm 1990 là 20m. Căn cứ theo biên bản xác minh thì diện tích thửa 351 là không thay đổi. Theo lược đồ giải thửa đất của bà M có phần mặt tiền phía trước phần đất của Ông Nh. Phần đất tranh chấp là đất của bà M. Bị đơn đề nghị giữ nguyên hiện trạng khi nào nhà nước thu hồi hành lang thì sẽ giao trả.

Phía nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào chì gai để tạo lối đi vì đây là hành lang lộ giới không phải đất của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc thửa đất 350 là của bà Nguyễn Thị G(mẹ Ông Th) giao cho Ông Nh sử dụng từ năm 1976 khi thực hiện chính sách đất đai; đến năm 1989, Ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, diện tích 2.625m²; ngày 25/8/1997, hộ Ông Nh được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 1.840m². Ông Th cho rằng, Ông Nh tự lần

chiếm đất nên khởi kiện, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/DSST ngày 15/8/2002 của Tòa án nhân dân huyện K và Bản án dân sự phúc thẩm số 300/DSPT ngày 12/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ tuyên xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Th về việc yêu cầu Ông Nh giao trả thửa đất 350, Ông Nh được tiếp tục sử dụng thửa đất 350, Bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình sử dụng đất đến khoảng năm 2020, Ông Th tự ý xây dựng hàng rào chì gai kéo ngang một phần mặt trước thửa đất 350 (tiếp giáp Quốc lộ 80) vì cho rằng, vị trí xây dựng hàng rào thuộc hành lang lộ giới do Nhà nước quản lý và nằm trong thửa đất 351 nên Ông Nh khởi kiện, nhận thấy:

Nguồn gốc thửa đất 351 do bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất ngày 29/10/1990, theo lược đồ giải thửa tỷ lệ 1/2000 kèm theo giấy chứng nhận cấp cho bà M thì phía trước thửa đất 350, phần tiếp giáp Quốc lộ 80 (vị trí Ông Th xây dựng hàng rào) là thửa đất 351. Tuy nhiên, đến năm 2004, bà M làm đơn xin điều chỉnh kích thước, hình thể, diện tích thửa đất 351. Sau khi tiến hành thẩm tra xác minh, Phòng Giao thông xây dựng tài nguyên xác định, hình thể thửa đất 351 là hình chữ nhật và nằm liền kề với thửa đất 350, phía trước thửa đất 350 là hành lang lộ giới thuộc Quốc lộ 80, không phải thửa đất 351 như lược đồ giải thửa tỷ lệ 1/2000.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2022, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C xác định, diện tích đất tranh chấp có hàng rào chì gai nằm trong một phần đất của thửa 350 (thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80). Tại biên bản làm việc ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân xã B cũng xác định, vị trí tranh chấp ký hiệu hàng rào chì gai 33,5m theo Bản trích đo địa chính số 54 ngày 30/12/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thì Ủy ban nhân dân xã B không có thẩm quyền cấp phép sử dụng, không giao cho Ông Th sử dụng vì không thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã B, thửa đất 351 hiện tại không còn thể hiện vị trí tranh chấp hàng rào chì gai 33,5m nằm trong thửa 351 của bà M.

Như vậy, có cơ sở để xác định, vị trí Ông Th xây dựng hàng rào chì gai không nằm trong thửa đất 351 mà nằm trong một phần thửa đất 350 do Ông Nh đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận, thuộc hành lang lộ giới của Quốc lộ 80. Việc Ông Th xây dựng hàng rào ngang thửa đất của Ông Nh khi chưa được sự đồng ý của cơ quan chức năng đã gây khó khăn, cản trở đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, mà cụ thể là quyền được hưởng kết quả đầu tư trên thửa đất 350 của Ông Nh và là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai.

Căn cứ Điều 169 Bộ luật Dân sự quy định: “*Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm*”. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và phải tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào chì gai diện tích 33.50m để trả lại toàn bộ lối đi chiều ngang mặt trước cho thửa đất số 350 của Ông Nh là phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng dân sự*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đã được cấp chủ quyền. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét kháng cáo của bị đơn: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt họ được triệu tập hợp lệ hai lần hoặc đã ủy quyền nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thể hiện: Hộ Ông Nguyễn Thanh Nh, được Ủy ban nhân dân huyện I (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000501 ngày 25/8/1997, đất tọa lạc tại Ấp D, xã T, huyện K, tỉnh Cần Thơ nay là Ấp D, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ trong quá trình sử dụng Ông Th luôn cản trở quá trình sử dụng đất của ông. Ông Th cấm trụ đá, xây hàng rào chì gai mặt trước thửa đất của Ông Nh làm cho hộ Ông Nh không có lối đi ra đường Quốc lộ. Phía Ông Th cho rằng phần đất ông làm hàng rào là của bà Nguyễn Thị M nằm tại thửa đất số 351 không phải thửa đất số 350 của nguyên đơn và cũng không nằm trên hành lang lộ giới thuộc quản lý của nhà nước, ông xây hàng rào chì gai là được sự đồng ý cho phép của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hơn nữa vụ kiện, của ông và đã giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực nên ông đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận thấy: Năm 2003 bà M có làm đơn xin điều chỉnh thửa đất trên và bà được cấp giấy thửa đất số 351 hình thể là hình chữ nhật có các cạnh chiều dài và mặt chiều ngang mặt trước đều giáp với hành lang lộ giới thuộc Quốc lộ 80. Diện tích trên được cập nhật thì vị trí, kích thước, thửa đất không thể hiện vị trí hàng rào chì gai 33,50m là thuộc thửa đất 351. Mặc dù, trước đây có thể hiện phần đất nằm phía trước thửa đất của Ông Nh nhưng do phần này nằm trong hành lang lộ giới nên không được cập nhật và nhà nước công nhận. Hàng chì gai có chiều dài 33,50m là nằm trong hành lang lộ giới nên không thuộc quyền quản lý của bà M hay Ông Th nên việc Ông Th kéo hàng chì gai là không đúng, gây cản trở và gây khó khăn cho hộ phía trong. Trong vụ việc này đáng lý chính quyền địa phương phải cưỡng chế buộc Ông Th tháo dỡ vì xây dựng trái phép trên đất công thuộc nhà nước quản lý để trả lại hành lang an toàn cho Quốc lộ 80.

Do đó, để tạo thuận lợi cho phần đất Ông Nh sử dụng phía trong, phần đất phía ngoài là hành lang lộ giới không thuộc quyền sử dụng của Ông Th hay của bà M nên Ông Th phải có nghĩa vụ di dời 06 trụ đá và hàng chì gai dài 33,50m ra khỏi phần đất thuộc hành lang quốc lộ là phù hợp.

Phía Ông Th cho rằng vụ kiện đã giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nên không giải quyết lại là không đúng vì việc tranh chấp này chưa được giải quyết mà trước đây chỉ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng của hai thửa 351 và 350 chứ không phải giải quyết yêu cầu này. Do đó, việc bị đơn đưa ra các lý do nêu trên là không có căn cứ để xem xét. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ là có cơ sở nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm là 7.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Xét lỗi làm phát sinh vụ kiện thuộc về bị đơn nên bị đơn phải chịu số tiền 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định ở cấp phúc thẩm là: 3.100.000 đồng bị đơn phải chịu. Bị đơn đã nộp và đã chi xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bị đơn Ông Lê Văn Th là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 227, 228, 271 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 164, 166 và 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 12, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh.

1. Buộc bị đơn Ông Lê Văn Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và phải tháo dỡ di dời toàn bộ hàng rào chèn gai điện tích 33.50m thuộc thửa đất số 350, diện tích 1.840m² (T: 300m²; CLN: 1.540m²), tờ bản đồ số 12 được Ủy ban nhân dân huyện I cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000501 ngày 25/8/1997, đất tọa lạc tại Ấp D, xã T, huyện K, tỉnh Cần Thơ do Ông Nguyễn Thanh Nh đại diện hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để trả lại toàn bộ lối đi chiều ngang mặt trước cho thửa đất số 350, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Ấp D, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ ra phần đất hành lang lộ giới do nhà nước quản lý có vị trí tiếp giáp với Quốc lộ 80 để đảm bảo các quyền lợi của chủ sử dụng đất hợp pháp cho nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thanh H1, Bà Nguyễn Thanh H2, Bà Nguyễn Thanh H3, Bà Nguyễn Thanh H4.

Vị trí, kích thước, diện tích của hàng rào chèn gai nêu trên phải tháo dỡ di dời và thi hành được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tài sản. Biên bản định giá tài sản ngày 09/7/2021 và Bản trích đo địa chính số 54/TTKTTNMT ngày 30/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1 Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), nguyên đơn Nguyễn Thanh Nhân tự nguyện chịu. Công nhận Ông Nh đã nộp và chi xong.

2.2 Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định ở cấp phúc thẩm là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm mười nghìn đồng), bị đơn Ông Lê Văn Th đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bị đơn Ông Lê Văn Th được miễn án phí dân sự do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ ;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải